

BỘ CÔNG THƯƠNG**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2011/TT-BCT

*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011***THÔNG TƯ****Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa
nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Bộ trưởng Bộ Công thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Thông tư này quy định về quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi tắt là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương, áp dụng đối với:

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, sử dụng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 do Bộ Công thương quản lý.
2. Các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc Bộ Công thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.
3. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Công thương chỉ định hoặc thừa nhận.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 là sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường.

2. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa là việc cơ quan nhà nước xem xét, đánh giá lại chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ đã được đánh giá chất lượng bởi các tổ chức đánh giá sự phù hợp hoặc đã được áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng khác của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

3. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công thương là đơn vị được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

4. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu là các tổ chức được Bộ Công thương chỉ định theo quy định của pháp luật; danh sách được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Công thương để tổ chức, cá nhân nhập khẩu lựa chọn.

5. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định là tổ chức đáp ứng các điều kiện tại Mục 2 Thông tư này, được Bộ Công thương xem xét, quyết định công bố danh sách để tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lựa chọn sử dụng dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Chương II**QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2****Mục 1****ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2****Điều 3. Điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong sản xuất**

1. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường.

2. Phải chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Việc công bố hợp quy được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Thông tư này. Đối với sản phẩm hàng hóa nhóm 2 có yêu cầu đặc thù về quá trình sản xuất thì người sản xuất có trách nhiệm áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và được chứng nhận hợp quy bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định.

3. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 có đặc tính mới tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích mà đặc tính mới này chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc sản phẩm lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn thì người sản xuất có trách nhiệm chứng minh sản phẩm đó an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường theo quy định của Bộ Công thương.

4. Chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất theo quy định tại Điều 20 Thông tư này.

Điều 4. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

1. Phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng bởi tổ chức chứng nhận do Bộ Công thương chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 26 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Việc công bố hợp quy được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Thông tư này.

2. Trường hợp hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này khi nhập khẩu phải được tổ chức giám định do Bộ Công thương chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 26 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa giám định tại cửa khẩu xuất hoặc cửa khẩu nhập.

3. Hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

4. Đối với hàng hóa nhóm 2 có quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất cho sản phẩm, hàng hóa đó thì người nhập khẩu phải cung cấp thêm giấy chứng nhận liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất do tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận cấp.

5. Trường hợp hàng hóa nhóm 2 có đặc tính mới có tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích mà đặc tính mới này chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc hàng hóa lần đầu tiên nhập khẩu vào Việt Nam tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn thì người nhập khẩu có trách nhiệm chứng minh hàng hóa đó an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường theo quy định của Bộ Công thương.

6. Hàng hóa do doanh nghiệp trong các khu chế xuất sản xuất cho thị trường trong nước được quản lý chất lượng như đối với hàng hóa nhập khẩu.

Điều 5. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhóm 2 xuất khẩu

Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 xuất khẩu áp dụng theo quy định tại Điều 32 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Điều 9 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 6. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhóm 2 lưu thông trên thị trường

1. Phải đáp ứng được các quy định về đảm bảo điều kiện chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu.
2. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình lưu thông hàng hóa hoặc tự áp dụng các biện pháp kiểm soát chất lượng nhằm duy trì chất lượng của hàng hóa do mình bán.
3. Chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.
4. Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong vận chuyển khi lưu thông phải đảm bảo các quy định về an toàn trong vận chuyển, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

Điều 7. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhóm 2 trong quá trình sử dụng

1. Khi sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng phải tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn tương ứng.
2. Đối với hàng hóa nhóm 2 thuộc Danh mục hàng hóa phải kiểm định trong quá trình sử dụng, sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định bởi tổ chức kiểm định được chỉ định mới được phép đưa vào sử dụng.
3. Chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

Mục 2**CÔNG BỐ HỢP QUY, CHỨNG NHẬN HỢP QUY
VÀ CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP****Điều 8. Công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phù hợp quy chuẩn kỹ thuật**

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.
2. Trường hợp các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì việc công bố sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo các tiêu chuẩn (TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác đang được áp dụng để công bố sự phù hợp cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa đó được ban hành và có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Hồ sơ công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phù hợp quy chuẩn kỹ thuật

Hồ sơ công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phù hợp quy chuẩn kỹ thuật bao gồm:

1. Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục I Thông tư này.
2. Bản sao chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp.
3. Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hóa.
4. Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến sản phẩm, hàng hóa (tiêu chuẩn TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác.
5. Bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 10. Thủ tục tiếp nhận và công bố hợp quy

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng tại các tổ chức chứng nhận hợp quy được Bộ Công thương chỉ định.

Trường hợp tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp quy thì tổ chức, cá nhân công bố hợp quy phải thực hiện việc thử nghiệm tại phòng thử nghiệm được Bộ Công thương chỉ định.

Kết quả đánh giá hợp quy là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

2. Khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Công thương tại địa phương nơi tổ chức, cá nhân đó đăng ký hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

3. Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân, Sở Công thương gửi văn bản xác nhận công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân đó. Mẫu thông báo xác nhận công bố hợp quy quy định tại Phụ lục II Thông tư này.

Điều 11. Điều kiện đối với tổ chức thử nghiệm được chỉ định

Tổ chức thử nghiệm được chỉ định phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Được cấp chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005.

2. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm tại Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

3. Trong mỗi lĩnh vực chuyên ngành, có ít nhất 02 thử nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp hoạt động thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa tương ứng và có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên.

4. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

5. Tổ chức thử nghiệm có chứng chỉ công nhận do tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận hợp pháp nước ngoài là thành viên của Hiệp hội Công nhận Thái Bình Dương (PAC) và Diễn đàn Công nhận quốc tế (IAF) cấp, được ưu tiên xem xét, chỉ định.